TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày 22-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quý Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trường H, sinh ngày 15 tháng 05 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trường X, sinh năm 1967 và bà Ngô Thị M, sinh năm 1968; tiền án: Án số 17 ngày 29/3/2013 Tòa án nhân dân huyện xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (đã xóa án tích); án số 29 ngày 07/11/2017 Tòa án nhân dân huyện xử phạt 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/9/2019.

2. Nguyễn Thành S, sinh ngày 29 tháng 03 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953; tiền án: Án số 40 ngày 29/12/2017 Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài

sản" (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/9/2019, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành S: Ông Phạm Duy K – trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H, có mặt.

Bị hại:

Ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn 2, xã Tú Sơn, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Đinh Văn D, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên trong các ngày 26, 27/8/2019, Nguyễn Trường H đã bàn bạc rủ Nguyễn Thành S thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể các lần phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/8/2019 Nguyễn Trường H gặp Nguyễn Thành S ở chợ C thuộc thôn Q, xã Đ, huyện K, Hải Phòng, H rủ S đi trộm cắp tài sản, S đồng ý. S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 16R7-4462 chở H đến trang trại nuôi trồng của ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1959 ở thôn Đ 2, xã Đ, huyện K thì phát hiện thấy không có người trông coi. S và H nhảy qua bờ rào, đến khu vực chuồng nuôi lợn, mỗi người bê 01 khung sắt kích thước khoảng 1,8x0,7m dùng làm cửa của chuồng lợn rồi đi ra đặt vào yên xe mô tô BKS 16R7-4462. S điều khiển xe mô tô chở H ngồi sau ôm 02 khung sắt đến nhà chị Trần Thị N, sinh năm 1984, ở thôn H, xã T, huyện K làm nghề thu mua sắt vụn, bán được 300.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày 26/8/2019, S và H tiếp tục quay lại nhà ông H1 trộm cắp 02 khung sắt bán cho chị N được 340.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 11 giờ ngày 27/8/2019, S tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS 16R7-4462 chở H đến nhà ông H1 trộm cắp 03 khung sắt và đến bán tại nhà anh Đinh Văn D, sinh năm 1989, ở thôn Đ 1, xã Đ, huyện K, làm nghề thu mua sắt vụn. Lúc đó, anh D không có ở nhà nên S và H bán cho bà Bùi Thị T, sinh năm 1967, ở thôn K, xã T, huyện K (làm nghề thu mua sắt vụn) được 270.000 đồng. Ngay sau đó, anh D về nhà thì bà T đã bán lại 03 khung sắt cho anh D với số tiền 270.000 đồng. Số tiền bán được các khung sắt, S và H chia đều cho nhau và ăn tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị mất các khung sắt, ông Phạm Xuân H1 đi tìm các khung sắt tại các cửa hàng thu mua sắt vụn trên địa bàn và phát hiện thấy có 04 khung sắt tại nhà chị Trần Thị N nên ngày 28/8/2019 ông Phạm Xuân H1 trình báo Công an huyện K về việc bị mất trộm 07 khung sắt.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 05/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 07 khung sắt có kích thước từ 1,12 x 0,8m đến 2,18 x 0,67m có tổng trị giá là 1.638.720 đồng.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKSTN- KT ngày 08 tháng 11 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành S, Nguyễn Trường H đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Chị Trần Thị N, anh Đinh Văn D và bà Bùi Thị T có hành vi mua các khung sắt của H và S, tuy nhiên chị N, anh D và bà T không biết là tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H từ 15 – 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị nào khác nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị N và anh Đinh Văn D yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền mà chị N và anh D đã bỏ ra để mua số cổng sắt là phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Duy K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng nêu quan điểm: Ông không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như về

điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Ông đề nghị hội đồng xét xử xem xét một số vấn đề sau:

+ Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo S không phải là người đề xuất việc trộm cắp, bị cáo chỉ là người thực hành, giúp sức cho bị cáo H thực hiện việc phạm tội. Bị cáo cũng không phải là người trực tiếp đứng ra tiêu thụ tài sản nên hành vi phạm tội của bị cáo có mức độ, đề nghị hội đồng xét xử đánh giá vai trò của bị cáo S thấp hơn so với bị cáo H.

+ Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Thành S như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thành S đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn ăn hối cải nên đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 bộ luật Hình sự. Tổng giá trị tài sản bị cáo S trộm cắp qua định giá là 1.638.720 đồng và tài sản cũng đã được thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì về phần bồi thường. Do đó đề nghị hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ cận nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương do vậy đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

- Các người bị hại là ông Phạm Xuân H1, bà Đỗ Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông bà đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị nào khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Trần Thị N và anh Đinh Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng cũng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị N, anh D có mua lại các khung sắt của các bị cáo H, S nhưng không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Chị N, anh D đã nộp lại các khung sắt để trả lại cho người bị hại. Chị N, anh D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền chị N, anh D đã bỏ ra để mua các khung sắt, cụ thể chị N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 640.000 đồng, anh D yêu cầu bồi thường số tiền 270.000 đồng.

- Ý kiến của các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Thành S: Các bị cáo H, S thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Thành S khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo H, S phù hợp với lời khai của các người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Trong các ngày 26 và 27/8/2019 các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Thành S đã nhiều lần lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: Ngày 26/8/2019 các bị cáo H, S đã 02 lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Phạm Xuân H1 bà Đỗ Thị L là 04 khung sắt và đem bán được 640.000 đồng; ngày 27/8/2019 các bị cáo H, S tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông H1, bà L là 03 khung sắt và đem bán được 270.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo H, S phải chịu trách nhiệm hình sự về tội " Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Tổng trị giá tài sản các bị cáo H, S chiếm đoạt qua định giá là 1.638.720 đồng, tuy chưa đến mức 2.000.000 đồng nhưng nhân thân các bị cáo đều có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc dành cho các bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội cũng như có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã đều khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn ăn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho cả hai bị cáo Nguyễn Trường H và Nguyễn Thành S. Không chấp nhận quan điểm bào chữa của ông Phạm Duy K - Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo S được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì tài sản bị cáo S trộm cắp tuy có giá trị không lớn nhưng nhân thân bị cáo S đã có tiền án về tội chiếm đoạt chưa được xóa án tích nên đã là yếu tố định tội đối với bị cáo. Mặt khác tài sản chiếm đoạt được bị cáo S đã bán và ăn tiêu cá nhân hết, đến nay bị cáo S vẫn chưa bồi thường số tiền này cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị cáo Nguyễn Thành S thuộc hộ cận nghèo nhưng đây cũng không phải là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo S quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của ông Trợ giúp viên pháp lý.

[6] Xét đây là vụ án có đồng phạm nên cần xem xét vai trò của từng bị cáo để có mức án phù hợp, hội đồng xét xử đánh giá như sau: Trong vụ án này hai bị cáo có vai trò cơ bản ngang nhau. Bị cáo Nguyễn Trường H là người đề xuất việc trộm cắp vào ngày 26/8/2019 còn bị cáo Nguyễn Thành S đề xuất việc trộm cắp tài sản vào ngày 27/8/2019. Các bị cáo đều đồng thời là người thực hành tích cực, trực tiếp trộm cắp tài sản, cùng nhau đi tiêu thụ tài sản trộm cắp được và cùng hưởng lợi ngang nhau. Nhân thân các bị cáo H, S đều có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản chứng tỏ các bị cáo không có ý thức cải tạo, tu dưỡng để trở thành người công dân lương thiện. Do đó xét mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo, hội đồng xét xử thấy rằng cần xử các bị cáo H, S mức án cao, trên khởi điểm của khung hình phạt nhưng thấp hơn mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy các bị cáo H, S không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Về dân sự: Các người bị hại là ông Phạm Xuân H1 và bà Đỗ Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện các người bị hại đã nhận lại tài sản và được bồi thường đầy đủ, không yêu cầu gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Trần Thị N và anh Đinh Văn D là người mua lại số tài sản các bị cáo trộm cắp được nhưng chị N, anh D không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm

tội mà có nên không xử lý. Chị N yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị số tiền chị đã bỏ ra mua các khung sắt là 640.000 đồng, anh D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền anh bỏ ra mua các khung sắt là 270.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của chị N và anh D là phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận buộc các bị cáo H, S có trách nhiệm bồi thường.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thành S là hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Trường H không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2019.

*Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Nguyễn Thành S, Nguyễn Trường H liên đới bồi thường cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho chị Trần Thị N số tiền 640.000 (sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, chia kỷ phần bị cáo S bồi thường 320.000 đồng, bị cáo H bồi thường 320.000 đồng.

+ Bồi thường cho anh Đinh Văn D số tiền 270.000 (hai trăm bảy mươi nghìn) đồng, chia kỷ phần bị cáo S bồi thường 135.000 đồng, bị cáo S bồi thường 135.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Trường H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình

sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thành S được miễn nộp tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành S có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang